

Số: 10/ĐA-THTV

Châu Đốc, ngày 06 tháng 02 năm 2024

**ĐỀ ÁN**  
**Vị trí việc làm trong Trường Tiểu học Trung Vương**

**Phần I**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Việc xác định vị trí việc làm nhằm xác định số lượng người làm việc gắn với từng vị trí việc làm đối với đơn vị, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí số lượng người làm việc cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của đơn vị, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng viên chức có đủ tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức.

**II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;
- Thông tư liên tịch số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề

nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;

9. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 06 năm 2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

10. Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 06 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

11. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

12. Thông tư liên tịch số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021, Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục Mầm non và giáo dục phổ thông;

13. Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

14. Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tỉnh ủy An Giang về biên chế của tỉnh An Giang, giai đoạn 2022 - 2026;

15. Quyết định số 721/QĐ-UB.TC ngày 19 tháng 08 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc đổi tên trường Tiểu học Thị xã Châu Đốc năm học 1995-1996;

16. Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 26/12/2013 của Thành ủy Châu Đốc về biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thành phố Châu Đốc, giai đoạn 2024 - 2026;

17. Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc năm 2024.

## **Phần II**

### **MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN**

#### **I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

Sau khi Đề án vị trí việc làm của Trường Tiểu học Trung Vương được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sẽ là cơ sở và tiền đề cho các hoạt động của Trường Tiểu học Trung Vương gồm: thực hiện việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, nâng ngạch, bổ nhiệm đối với viên chức theo đúng vị trí việc làm trên nguyên tắc gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức trong các đơn vị; một vị trí việc làm sẽ do một hoặc một nhóm người đảm nhiệm và một người sẽ đảm nhiệm một hoặc nhiều hơn một vị trí việc làm trên cơ sở vị trí việc làm chính và vị trí việc làm kiêm nhiệm, đồng thời sẽ hưởng trả lương theo vị trí việc làm khi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về nội dung này được cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện.

#### **II. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN**

Đề án sẽ thực hiện trong phạm vi trường Tiểu học Trung Vương, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

#### **III. ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN**

Đối tượng của Đề án gồm: Viên chức, người lao động trong Trường Tiểu học Trung Vương, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

#### **IV. YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN**

1. Bám sát các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, trên cơ sở các quy định hiện hành và mục tiêu cần đạt được trong từng giai đoạn để đề xuất giải pháp cụ thể đảm bảo tính khả thi của Đề án.

2. Đánh giá đúng thực trạng việc sử dụng biên chế, quản lý viên chức và người lao động trong đơn vị trong thời gian qua, những kết quả đã đạt được, những mặt còn hạn chế và chỉ ra được nguyên nhân của những hạn chế này.

3. Xác định đúng, đủ, chính xác danh mục vị trí việc làm trong từng đơn vị; có bản mô tả công việc và khung năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm; xác định rõ cơ cấu viên chức theo tỷ lệ đối với từng đơn vị; nêu rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc khi thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức đối với đơn vị (nếu có).

4. Số lượng người làm việc bố trí theo vị trí việc làm phải đảm bảo theo đúng lộ trình thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2026 (Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về biên chế tỉnh An Giang, giai đoạn 2024-2026; Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 26/12/2023 của Thành ủy Châu Đốc Kế hoạch biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động giai đoạn 2022-2026).

5. Tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

### **Phần III**

## **THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC, VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

### **I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ**

- Tên: Trường Tiểu học Trưng Vương
- Địa chỉ: Số 02 Trưng Nữ Vương, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 02963 866 205
- Ngày thành lập: 19/8/1995 (Quyết định số 721/QĐ-UB.TC ngày 19 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

#### **1. Vị trí, chức năng**

Trường Tiểu học Trưng Vương do Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc thành lập và quản lý. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Châu Đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với Trường Tiểu học Trưng Vương; Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Trường Tiểu học và các quy định pháp luật có liên quan.

Trường tiểu học Trưng Vương là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

#### **2. Nhiệm vụ, quyền hạn**

Thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định

của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **3. Cơ chế hoạt động**

Trường Tiểu học Trung Vương là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4). Cơ chế hoạt động theo Luật Giáo dục, Điều lệ trường tiểu học và theo quy định của pháp luật.

### **4. Cơ cấu tổ chức**

Thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cơ cấu tổ chức trường tiểu học gồm:

- Hội đồng trường với 11 thành viên;

- Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng;

- Hội đồng thi đua khen thưởng với 13 thành viên;

- Hội đồng kỉ luật (*Được thành lập khi xử lý kỷ luật theo điều lệ nhà trường*);

- Hội đồng tư vấn: Hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi; Hội đồng chấm giáo viên chủ nhiệm giỏi; ...

- Có 05 tổ chuyên môn gồm:

+ Tổ khối 1 có 06 thành viên;

+ Tổ khối 2 có 05 thành viên;

+ Tổ khối 3 có 06 thành viên;

+ Tổ khối 4 có 06 thành viên;

- + Tổ khối 5 có 06 thành viên;
- Tổ văn phòng có 04 thành viên;
- **Lớp học: có 20 lớp, với 630 học sinh. Trong đó:**
  - + Khối lớp 1: 04 lớp; 116 học sinh;
  - + Khối lớp 2: 03 lớp; 105 học sinh;
  - + Khối lớp 3: 04 lớp; 135 học sinh;
  - + Khối lớp 4: 04 lớp; 132 học sinh;
  - + Khối lớp 5: 05 lớp; 142 học sinh;

## **II. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, TRÌNH ĐỘ VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG ĐƠN VỊ** *(Phụ lục I kèm theo)*

### **1. Chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao năm 2024**

Theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc năm 2024.

- Viên chức: 36 biên chế.

### **2. Số lượng, trình độ viên chức, người lao động thực tế sử dụng**

- Viên chức: 33 biên chế;
- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 02 HĐLĐ.

#### **Trong số 33 viên chức hiện có:**

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo:
  - + Tiến sỹ: Số lượng: 0 người Tỷ lệ: 0%
  - + Thạc sỹ: Số lượng: 0 người Tỷ lệ: 0%
  - + Cử nhân: Số lượng: 32/33 người Tỷ lệ: 96,97%
  - + Cao đẳng: Số lượng: 0 người Tỷ lệ: 0%
  - + Trung cấp: Số lượng: 01/33 người Tỷ lệ: 3,03%
  - + Sơ cấp: Số lượng: 0 người Tỷ lệ: 0%
- Về trình độ lý luận chính trị:
  - + Cao cấp, cử nhân: Số lượng: 0 người Tỷ lệ: 0%
  - + Trung cấp: Số lượng: 05/33 người Tỷ lệ: 15,15%
  - + Sơ cấp: Số lượng: 23/33 người Tỷ lệ: 69,70%
  - + Chưa qua đào tạo: 05/33 người Tỷ lệ: 15,15%
- Các tiêu chí khác:
- Ngoại ngữ:

- + Trình độ cử nhân trở lên: 03/33 người; tỷ lệ: 9,09%
- + Chứng chỉ ngoại ngữ: 28/33 người; tỷ lệ: 84,85%
- + Chưa có chứng chỉ ngoại ngữ: 02/33 người; tỷ lệ: 6,06%
- + Chứng chỉ tiếng dân tộc: 0 người
- Tin học:
  - + Trình độ từ trung cấp trở lên: 01 người; tỷ lệ: 3,03%
  - + Chứng chỉ tin học: 32 người; tỷ lệ: 96,97%
  - + Chưa có chứng chỉ tin học: 0 người; tỷ lệ 0%
- Giới tính:
  - + Nữ giới: 27/33 (81,82%);
  - + Nam giới: 06/33 (18,18%).
- Tuổi đời:
  - + Từ 30 tuổi trở xuống: Số lượng: 05/33 người; Tỷ lệ: 15,15%
  - + Từ 31 đến 40 tuổi: Số lượng: 07/33 người Tỷ lệ: 21,21%
  - + Từ 41 đến 50 tuổi: Số lượng: 17/33 người Tỷ lệ: 51,52%
  - + Từ 51 đến 60 tuổi: Số lượng: 04/33 người Tỷ lệ: 12,12%
  - + Trên 60 tuổi: Số lượng: 0 người Tỷ lệ: 0%

### **III. THỰC TRẠNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

#### **1. Thực trạng vị trí việc làm trong đơn vị trường Tiểu học Trung Vương, cụ thể như sau:**

Đơn vị trường Tiểu học Trung Vương được phê duyệt vị trí việc làm theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

- Vị trí việc làm Hội đồng trường: 04 vị trí (có 04 kiêm nhiệm);
- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 04 vị trí (có 02 kiêm nhiệm);
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 01 vị trí;
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 06 vị trí (có 03 kiêm nhiệm);
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (HDLĐ): 01 vị trí.

#### **2. Số lượng người làm việc theo vị trí việc làm**

- Vị trí việc làm Hội đồng trường: 00 biên chế;
- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 biên chế;
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 32 biên chế;

- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 02 biên chế;
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 HĐLĐ.

**3. Thực trạng cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị trường Tiểu học Trưng Vương, cụ thể như sau:**

- Hạng I (ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương): Số lượng: 0 người; Tỷ lệ: 0%;
- Hạng II (ngạch chuyên viên chính và tương đương): Số lượng: 24/33 người; Tỷ lệ: 72,73%;
- Hạng III (ngạch chuyên viên và tương đương): Số lượng: 07/33 người; Tỷ lệ: 21,21%;
- Hạng IV (ngạch cán sự): Số lượng: 01/33 người; Tỷ lệ: 3,03%;
- Hạng V (ngạch nhân viên): Số lượng: 0 người; Tỷ lệ: 0%.
- Khác: Số lượng: 1/33 người; Tỷ lệ: 3,03%

**Thực trạng cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị trường Tiểu học Trưng Vương, như sau:**

| TT              | Trường<br>Tiểu học<br>Trung<br>Vương | Số lượng người làm việc tương ứng với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp |           |            |             |            |           |      |
|-----------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|-------------|------------|-----------|------|
|                 |                                      | Tổng số<br>có mặt                                                                 | Chia ra   |            |             |            |           |      |
|                 |                                      |                                                                                   | Hạng<br>I | Hạng<br>II | Hạng<br>III | Hạng<br>IV | Hạng<br>V | Khác |
| Tổng chung      |                                      | 33                                                                                | 00        | 24         | 07          | 01         | 00        | 01   |
| Lãnh đạo đơn vị |                                      | 02                                                                                | 00        | 01         | 01          | 00         | 00        | 00   |
| 1               | Tổ Một                               | 06                                                                                | 00        | 06         | 00          | 00         | 00        | 00   |
| 2               | Tổ Hai                               | 05                                                                                | 00        | 03         | 01          | 00         | 00        | 01   |
| 3               | Tổ Ba                                | 06                                                                                | 00        | 05         | 00          | 01         | 00        | 00   |
| 4               | Tổ Bốn                               | 06                                                                                | 00        | 05         | 01          | 00         | 00        | 00   |
| 5               | Tổ Năm                               | 06                                                                                | 00        | 04         | 02          | 00         | 00        | 00   |
| 6               | Tổ Văn<br>phòng                      | 02                                                                                | 00        | 00         | 02          | 00         | 00        | 00   |

**Phần IV**

**THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP CỦA TỪNG CÔNG VIỆC**

Trên cơ sở thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập, phân nhóm công việc như sau:

## **I. PHÂN LOẠI THEO KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC**

### **1. Vị trí việc làm do một người đảm nhận**

- Hiệu trưởng;
- Kế toán viên;
- Thư viện viên hạng IV;
- Văn thư viên trung cấp.

### **2. Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận**

- Phó hiệu trưởng;
- Giáo viên tiểu học hạng I;
- Giáo viên tiểu học hạng II;
- Giáo viên tiểu học hạng III;
- Nhân viên bảo vệ.

### **3. Vị trí việc làm kiêm nhiệm**

- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Phó Chủ tịch Hội đồng trường;
- Thư ký Hội đồng trường;
- Thành viên Hội đồng trường;
- Giáo vụ;
- Tư vấn học sinh;
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;
- Chuyên viên về quản trị công sở;
- Nhân viên Thủ quỹ;
- Y tế học đường.

## **II. PHÂN LOẠI THEO TÍNH CHẤT, NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

### **1. Nhóm công việc Hội đồng trường**

- Chủ tịch;
- Phó Chủ tịch;
- Thư ký;
- Thành viên.

### **2. Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý**

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng.

### **3. Nhóm công việc nghiệp vụ chuyên ngành**

- Nhóm công việc Giáo viên tiểu học;
- Nhóm công việc Giáo vụ;
- Nhóm công việc Tư vấn học sinh;
- Nhóm công việc Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

### **4. Nhóm công việc nghiệp vụ chuyên môn dùng chung**

- Nhóm công việc lĩnh vực văn phòng;
- Nhóm công việc lĩnh vực kế hoạch, tài chính;
- Nhóm công việc lĩnh vực y tế.

### **5. Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ**

- Nhóm công việc bảo vệ.

## **Phần V**

# **XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM; BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC; KHUNG NĂNG LỰC; CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

## **I. QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC**

### **1. Quan điểm**

- Thực hiện nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo toàn diện, quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, việc cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Việc cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm phải tuân thủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và tình hình hoạt động cụ thể của đơn vị.

- Xây dựng vị trí việc làm phải đảm bảo tính khoa học, kế thừa, tôn trọng thực tế, ổn định, đổi mới và phát triển. Đồng thời, bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp với việc sử dụng, quản lý viên chức; bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn. Thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức.

### **2. Nguyên tắc**

- Tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế viên chức.

- Việc xác định danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức đối với từng vị trí việc làm phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động, phạm vi, đối tượng phục vụ của từng đơn vị.

- Xác định đúng, đủ, chính xác về danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức đối với từng đơn vị; các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, mức độ phức tạp khác nhau sẽ có tỷ lệ cơ cấu viên chức khác nhau; tỷ lệ % (phần trăm) viên chức giữ các ngạch/hạng phù hợp với vị trí việc làm và mức độ phức tạp của công việc theo vị trí việc làm.

- Số lượng người làm việc bố trí theo vị trí việc làm phải đảm bảo theo đúng lộ trình thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2026 (Theo Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về biên chế tỉnh An Giang, giai đoạn 2024-2026; Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 26/12/2023 của Thành ủy Châu Đốc về biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động giai đoạn 2022-2026).

## **II. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

### **1. Vị trí việc làm Hội đồng trường (04 vị trí)**

- Chủ tịch (kiêm nhiệm);
- Phó Chủ tịch (kiêm nhiệm);
- Thư ký (kiêm nhiệm);
- Thành viên (kiêm nhiệm).

### **2. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: (02 vị trí)**

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng.

### **3. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: (6 vị trí)**

- Giáo viên tiểu học hạng I;
- Giáo viên tiểu học hạng II;
- Giáo viên tiểu học hạng III;
- Giáo vụ (Kiêm nhiệm);
- Tư vấn học sinh (Kiêm nhiệm);
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (Kiêm nhiệm).

### **4. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: (06 vị trí)**

- Thư viện viên hạng IV;
- Chuyên viên về quản trị công sở (kiêm nhiệm)
- Kế toán viên;
- Nhân viên Thủ quỹ (Kiêm nhiệm);
- Văn thư viên trung cấp;
- Y tế học đường (Kiêm nhiệm).

### **5. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: (01 vị trí)**

- Nhân viên Bảo vệ.

## **III. BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC; KHUNG NĂNG LỰC CỦA TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

- Bản mô tả công việc gồm các nội dung cơ bản sau: Các nhiệm vụ liên quan đến công việc được giao; yêu cầu về năng lực, kỹ năng để hoàn thành công việc đó; xác định rõ hao phí thời gian lao động để thực hiện công việc theo vị trí việc làm đó *(đây là nội dung quan trọng để làm căn cứ xác định số lượng người làm việc theo vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập)*.

*(Đính kèm Phụ lục II)*

- Khung năng lực của từng vị trí việc làm gồm các nội dung cơ bản sau: Năng lực cốt lõi, năng lực chuyên môn, năng lực hành vi của từng vị trí việc làm để làm cơ sở thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, đánh giá, sử dụng viên chức *(chú ý các yêu cầu này không được thấp hơn quy định về tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp tối thiểu tương ứng với từng vị trí việc làm đó)*.

*(Đính kèm Phụ lục III)*

## **Phần VI**

## **TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

### **I. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

Tổng số lượng vị trí việc làm của trường Tiểu học Trưng Vương là 19 vị trí (10 kiêm nhiệm), như sau:

1. Vị trí việc làm Hội đồng trường: 04 vị trí (04 kiêm nhiệm).
2. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí.
3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 06 vị trí (03 kiêm nhiệm).
4. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 06 vị trí (03 kiêm nhiệm)
5. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 01 vị trí.

### **II. TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

Tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của đơn vị là 38 biên chế. Trong đó: số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc giao năm 2024 là 36 biên chế *(Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024)* số lượng người làm việc từ nguồn thu sự nghiệp là 00 biên chế và 02 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, theo lộ trình số biên chế sự nghiệp đến năm 2026 thực hiện bảo đảm theo Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 24/11/2023 của Tỉnh ủy An Giang về biên chế của tỉnh An Giang, giai đoạn 2022 – 2026 và Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 26

tháng 12 năm 2023 của Thành ủy Châu Đốc biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thành phố Châu Đốc, giai đoạn 2024 – 2026.

Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm và tình hình thực tế tại đơn vị, lãnh đạo đơn vị quyết định phân bổ số lượng người làm việc giữa các tổ và tương đương phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, phù hợp theo lộ trình tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước hằng năm và giai đoạn Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 24/11/2023 của Tỉnh ủy An Giang về biên chế của tỉnh An Giang, giai đoạn 2022 – 2026 và Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thành ủy Châu Đốc biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thành phố Châu Đốc, giai đoạn 2024 – 2026, việc bố trí số lượng người làm việc cụ thể:

| Mã VTVL    | Tên vị trí việc làm                                                                                    | Số lượng người làm việc/HDLĐ<br>Năm 2024    |                                                            |                                                    | Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|            |                                                                                                        | Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN | Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp | Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP |                                             |
| I          | VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỘI ĐỒNG TRƯỞNG<br>(Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn chuyên ngành)                    |                                             |                                                            |                                                    |                                             |
| HĐT.01.01  | Chủ tịch                                                                                               | 00                                          | 00                                                         | 00                                                 | Kiểm nhiệm                                  |
| HĐT.02.02  | Phó Chủ tịch                                                                                           | 00                                          | 00                                                         | 00                                                 | Kiểm nhiệm                                  |
| HĐT.03.03  | Thư ký                                                                                                 | 00                                          | 00                                                         | 00                                                 | Kiểm nhiệm                                  |
| HĐT.04.04  | Thành viên                                                                                             | 00                                          | 00                                                         | 00                                                 | Kiểm nhiệm                                  |
| II         | VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn chuyên ngành)                     |                                             |                                                            |                                                    |                                             |
| LĐQL.01.01 | Hiệu trưởng                                                                                            | 01                                          | 00                                                         | 00                                                 |                                             |
| LĐQL.02.02 | Phó Hiệu trưởng                                                                                        | 01                                          | 00                                                         | 00                                                 |                                             |
| III        | VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn chuyên ngành) |                                             |                                                            |                                                    |                                             |
| NVCN.01.03 | Giáo viên tiểu học hạng I                                                                              | 01                                          | 00                                                         | 00                                                 | Hạng I                                      |

|            |                                                                                                                                                        |    |    |    |                          |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|--------------------------|
| NVCN.02.04 | Giáo viên tiểu học hạng II                                                                                                                             | 22 | 00 | 00 | Hạng II                  |
| NVCN.03.05 | Giáo viên tiểu học hạng III                                                                                                                            | 08 | 00 | 00 | Hạng III                 |
| NVCN.04.06 | Giáo vụ                                                                                                                                                | 00 | 00 | 00 | Hạng III<br>(Kiêm nhiệm) |
| NVCN.05.07 | Tư vấn học sinh                                                                                                                                        | 00 | 00 | 00 | Hạng III<br>(Kiêm nhiệm) |
| NVCN.06.08 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật                                                                                                                       | 00 | 00 | 00 | Hạng III<br>(Kiêm nhiệm) |
| <b>IV</b>  | <b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG</b> (Thực hiện theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ) |    |    |    |                          |
| CMDC.01.09 | Thư viện viên hạng IV                                                                                                                                  | 01 | 00 | 00 | Hạng IV                  |
| CMDC.02.10 | Chuyên viên về quản trị công sở                                                                                                                        | 00 | 00 | 00 | Hạng III<br>(Kiêm nhiệm) |
| CMDC.03.11 | Kế toán viên                                                                                                                                           | 01 | 00 | 00 | Hạng III                 |
| CMDC.04.12 | Nhân viên Thủ quỹ                                                                                                                                      | 00 | 00 | 00 | Hạng IV<br>(Kiêm nhiệm)  |
| CMDC.05.13 | Văn thư viên trung cấp                                                                                                                                 | 01 | 00 | 00 | Hạng IV                  |
| CMDC.06.14 | Y tế học đường                                                                                                                                         | 00 | 00 | 00 | Hạng IV<br>(Kiêm nhiệm)  |
| <b>V</b>   | <b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ</b> (Thực hiện theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)                             |    |    |    |                          |
| HTPV.01.15 | Nhân viên bảo vệ                                                                                                                                       | 00 | 00 | 02 |                          |

### III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Tiểu học Trưng Vương là tỷ lệ của số lượng viên chức theo từng chức danh nghề nghiệp ứng với vị

trí việc làm trong đơn vị, các chức danh cơ bản đã đáp ứng khung năng lực của từng vị trí việc làm về tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

| Mã VTVL    | Tên vị trí việc làm                                                                                                                      | Số lượng người làm việc năm 2024 | Số lượng người làm việc ở vị trí LĐQL | Số lượng người làm việc không thuộc vị trí LĐQL | Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp<br>(Không kể vị trí việc làm lãnh đạo quản lý) |    |         |    |          |    |         |    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------|----|----------|----|---------|----|
|            |                                                                                                                                          |                                  |                                       |                                                 | Hạng I                                                                                     |    | Hạng II |    | Hạng III |    | Hạng IV |    |
|            |                                                                                                                                          |                                  |                                       |                                                 | Tỉ lệ %                                                                                    | SL | Tỉ lệ % | SL | Tỉ lệ %  | SL | Tỉ lệ % | SL |
| TỔNG CỘNG  |                                                                                                                                          | 38                               | 02                                    | 34                                              | 2,94                                                                                       | 01 | 64,71   | 22 | 26,47    | 09 | 5,88    | 02 |
| I          | VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ<br>(Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn chuyên ngành)                                                    |                                  |                                       |                                                 |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| HĐT.01.01  | Chủ tịch                                                                                                                                 | 00                               | 00                                    | 00                                              |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| HĐT.02.02  | Chủ tịch                                                                                                                                 | 00                               | 00                                    | 00                                              |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| HĐT.03.03  | Thư ký                                                                                                                                   | 00                               | 00                                    | 00                                              |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| HĐT.04.04  | Thành viên                                                                                                                               | 00                               | 00                                    | 00                                              |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| II         | VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ<br>(Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn chuyên ngành)                                                    |                                  |                                       |                                                 |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| LĐQL.01.01 | Hiệu trưởng                                                                                                                              | 01                               | 01                                    | 00                                              |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| LĐQL.02.02 | Phó Hiệu trưởng                                                                                                                          | 01                               | 01                                    | 00                                              |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| III        | VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH<br>(Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn chuyên ngành)                                |                                  |                                       |                                                 |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| NVCN.01.03 | Giáo viên tiểu học hạng I                                                                                                                | 01                               | 00                                    | 01                                              | 2,94                                                                                       | 01 |         |    |          |    |         |    |
| NVCN.02.04 | Giáo viên tiểu học hạng II                                                                                                               | 22                               | 00                                    | 22                                              |                                                                                            |    | 64,71   | 22 |          |    |         |    |
| NVCN.03.05 | Giáo viên tiểu học hạng III                                                                                                              | 08                               | 00                                    | 08                                              |                                                                                            |    |         |    | 23,53    | 08 |         |    |
| NVCN.04.06 | Giáo vụ                                                                                                                                  | 00                               | 00                                    | 00                                              |                                                                                            |    |         |    | 00       | 00 |         |    |
| NVCN.05.07 | Tư vấn học sinh                                                                                                                          | 00                               | 00                                    | 00                                              |                                                                                            |    |         |    | 00       | 00 |         |    |
| NVCN.06.08 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật                                                                                                         | 00                               | 00                                    | 00                                              |                                                                                            |    |         |    | 00       | 00 |         |    |
| IV         | VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG<br>(Thực hiện theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ) |                                  |                                       |                                                 |                                                                                            |    |         |    |          |    |         |    |
| CMDC.01.09 | Thư viện viên hạng IV                                                                                                                    | 01                               | 00                                    | 01                                              |                                                                                            |    |         |    |          |    | 2,94    | 01 |

|            |                                                                                                                     |    |    |    |  |  |  |  |      |    |      |    |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|--|--|--|--|------|----|------|----|
| CMDC.02.10 | Chuyên viên về quản trị công sở                                                                                     | 00 | 00 | 00 |  |  |  |  | 00   | 00 |      |    |
| CMDC.03.11 | Kế toán viên                                                                                                        | 01 | 00 | 01 |  |  |  |  | 2,94 | 01 |      |    |
| CMDC.04.12 | Nhân viên Thủ quỹ                                                                                                   | 00 | 00 | 00 |  |  |  |  |      |    | 00   | 00 |
| CMDC.05.13 | Văn thư viên trung cấp                                                                                              | 01 | 00 | 01 |  |  |  |  |      |    | 2,94 | 01 |
| CMDC.06.14 | Y tế học đường                                                                                                      | 00 | 00 | 00 |  |  |  |  |      |    | 00   | 00 |
| <b>V</b>   | <b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ</b><br>(Thực hiện theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ) |    |    |    |  |  |  |  |      |    |      |    |
| HTPV.01.15 | Nhân viên bảo vệ                                                                                                    | 02 | 00 | 00 |  |  |  |  |      |    |      |    |

Như vậy, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung của Trường Tiểu học Trung Vương, cụ thể như sau:

- Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Tiểu học Trung Vương:

+ Hạng chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: 01/34 người chiếm 2,94% tổng số lượng người làm việc;

+ Hạng chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: 22/34 người chiếm 64,71 % tổng số lượng người làm việc;

+ Hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 09/34 chiếm 26,47% tổng số lượng người làm việc;

+ Hạng chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: 02/34 chiếm 5,88% tổng số lượng người làm việc.

- Số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung của Trường Tiểu học Trung Vương là 34/36 biên chế, chiếm tỷ lệ 94,44% tổng số lượng người làm việc.

## **Phần VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Trường Tiểu học Trung Vương tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo các quy định, hướng dẫn hiện hành; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên

chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc đề nghị Sở Nội vụ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Đề án theo quy định./.

**TM. UBND THÀNH PHỐ**  
**KT CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Quốc Tuấn*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Xuân**